

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG – CTCP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 254../TLG-CBTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Thăng Long –CTCP

Mã chứng khoán: TTL

Trụ sở chính: Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 20, Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38.343.087

Fax: (84.4) 38.345.212

Email: tongthanglong.tlg@gmail.com

Loại thông tin công bố 24h Yêu cầu Bất thường Bình thường

Nội dung thông tin công bố:

Hợp đồng kiểm toán số 004/2021/HĐKT-TC ngày 15/6/2021 về việc soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Tổng công ty Thăng Long – CTCP và các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:

<http://www.tlg.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- TGD (để b/c);
- Website;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**Bùi Quang Tùng***** Tài liệu đính kèm:**

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và tài liệu của Đại hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004/2021/HĐKT-TC

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và các Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Người đại diện : Ông NGUYỄN ĐỨC KIÊN
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ ĐKKD : Số 72 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội
Địa chỉ giao dịch : Tầng 20 tòa Handico Tower đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0100105020

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Người đại diện : Ông BÙI NGỌC VƯƠNG
Chức vụ : Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 17/2018/AASCN/GUQ ngày 02/8/2018 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt)
Địa chỉ giao dịch : P408 tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ ĐKKD : Số 14, ngách 79/56 đường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
Email : admin@namviethn.vn Tel: (024) 6281 1281
Mã số thuế : 0305213884-001
Tài khoản số : 1007755470
Tại Ngân hàng : Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – CN Thăng Long

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 và dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và các Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Công việc kiểm toán bao gồm cả việc tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2021. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Điều 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- b. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn

sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Điều 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Xí nghiệp Thăng Long 5;
- Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Chi nhánh Miền Nam;
- Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Campuchia;
- Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Văn phòng – Tổng Công ty;
- Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất về giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng Công ty;
- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng Công ty;

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Xí nghiệp Thăng Long 5, Chi nhánh miền Nam và Chi nhánh tại Campuchia được lập gồm 06 bộ kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt. Trong đó Bên A giữ 05 bộ và Bên B giữ 01 bộ;

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Văn phòng – Tổng Công ty được lập gồm 04 bộ kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt. Trong đó Bên A giữ 03 bộ và Bên B giữ 01 bộ;

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Tổng Công ty được lập gồm 17 bộ bằng tiếng Việt và 11 bộ bằng tiếng Anh. Trong đó Bên A giữ 15 bộ tiếng Việt và 10 bộ tiếng Anh và Bên B giữ 02 bộ tiếng Việt và 01 bộ tiếng Anh;

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán độc lập sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Điều 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá trị hợp đồng: 270.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT (10%)

- Nếu Bên A có nhu cầu sao y bản chính Báo cáo kiểm toán thì Bên B sẽ tính phí 50.000 đồng/bản sao y và sẽ xuất hóa đơn GTGT cho dịch vụ này.

Điều khoản thanh toán:

Giá trị hợp đồng sẽ được Bên A thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.

Tiến độ thanh toán:

- Bên A ứng trước 50% giá trị hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành công tác kiểm toán đợt 1 (soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021);

- Bên A sẽ thanh toán dứt điểm phần còn lại cho Bên B ngay sau khi Bên B hoàn thành công tác kiểm toán, bàn giao Báo cáo kiểm toán cho Bên A, phát hành hóa đơn GTGT và thực hiện thanh lý hợp đồng.

Điều 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên Bằng văn bản theo địa chỉ trên đây.

Thời gian thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch thống nhất giữa hai bên nhằm đáp ứng yêu cầu tiến độ công việc của Bên A.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

Điều 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC KIÊN

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc



BÙI NGỌC VƯƠNG



A handwritten blue mark or signature at the bottom right corner of the page.